

Bản án số: 159/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang.

Ông Nguyễn Đức Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đông Thị N**, sinh năm 1994; ĐKKHKT: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương; địa chỉ cư trú hiện nay: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Người được chị N ủy quyền giao, nhận văn bản: Anh Đặng Thái L, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1988; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Đà Loan.

Người được anh P ủy quyền giao, nhận văn bản: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đồng Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương ngày 03/10/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến đầu năm 2013 chị đi lao động tại Đài Loan, tháng 6/2013 anh P cũng sang Đài Loan lao động. Tuy nhiên chị làm ở Đ, anh P làm ở Đ, vì vậy vợ chồng không sống cùng nhau mà thỉnh thoảng mới gặp nhau. Năm 2016 chị mang thai nên về Việt Nam sinh con, sau khi sinh con anh P về phép thăm gia đình và vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chị muốn anh ở lại Việt Nam chung sống và nuôi con nhưng anh không nghe lại tiếp tục sang Đài Loan lao động. Vợ chồng mỗi người sống một nơi, tình cảm trở nên lạnh nhạt, kinh tế độc lập. Anh P chỉ liên lạc về hỏi thăm con, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Hiện tại chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trí D, sinh ngày 14/10/2011 và Nguyễn Chí C1, sinh ngày 23/7/2016, hiện các con đang ở với chị. Chị và anh P thống nhất mỗi người nuôi một con, chị nuôi con Nguyễn Trí D, anh P nuôi con Nguyễn Chí C1 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh P ở nước ngoài, chị có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Chí C1 cho đến khi anh về nước và không có yêu cầu đòi hỏi gì về việc nuôi con thay anh P.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị N bận công việc nên chị ủy quyền cho anh Đặng Thái L thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại các bản khai anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh và chị Đồng Thị N có quan hệ hôn nhân như chị N trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2013 chị N đi lao động tại Đài Loan, cuối năm 2013 anh cũng sang Đài Loan cùng chị nhưng do khác công ty nên mỗi người ở một nơi. Năm 2016 chị N về Việt Nam sinh con, anh về phép một hai lần thăm vợ con, sau đó trở lại Đài Loan lao động cho đến nay. Do xa cách nên vợ chồng không chia sẻ, thông cảm với nhau về kinh tế cũng như tình cảm, từ đó vợ chồng không quan tâm và lạnh nhạt với nhau. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung như chị N trình bày là đúng, anh đề nghị mỗi người nuôi một con, anh nuôi con Nguyễn Chí C1, chị N nuôi con Nguyễn Trí D cho đến khi các con đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, anh ủy quyền cho chị N chăm sóc con Nguyễn Chí C1 cho đến khi anh về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh P đang làm việc tại Đài Loan nên anh ủy quyền cho chị Vũ Thị C thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người được chị N và anh P ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Đặng Thái L và chị Vũ Thị C trình bày: Anh, chị nhất trí nhận ủy quyền của chị N, anh P; sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh, chị đã thông báo cho chị N, anh P biết, chị Đồng Thị N và anh Nguyễn Văn P vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đồng Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn P; về con chung: Giao cho chị Đồng Thị N nuôi con Nguyễn Trí D, giao cho anh Nguyễn Văn P nuôi con Nguyễn Chí C1 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau; tạm giao con Nguyễn Chí C1 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh P không có mặt ở Việt Nam; chị N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đồng Thị N hiện đang sinh sống ở Việt Nam; bị đơn anh Nguyễn Văn P có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện anh đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù anh P không có mặt ở Việt Nam nhưng anh đã làm bản tự khai thể hiện quan điểm và ủy quyền cho chị Vũ Thị C thay anh giao, nộp tại Tòa án. Bản tự khai của anh đã được Văn phòng K tại Đ chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của anh là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị N và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương ngày 03/10/2011 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, xác định được giữa chị N và anh P có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là khi anh chị đi lao động tại Đài Loan nhưng do khác công ty nên vợ chồng không sống cùng nhau, thỉnh thoảng mới gặp nhau nên tình cảm vợ chồng xa cách. Khi chị N về nước sinh con, anh P có về thăm gia đình 02 lần nhưng vợ chồng chủ yếu sống xa nhau, không có sự chia sẻ về kinh tế, tình cảm nên không còn tình cảm với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Chị N có đơn xin ly hôn, anh P cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh P đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị N được ly hôn anh P là phù hợp với điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Con chung của chị N và anh P là Nguyễn Trí D, sinh ngày 14/10/2011 và Nguyễn Chí C1, sinh ngày 23/7/2016, hiện các con đang ở với chị N. Mặc dù các con của anh chị đều có nguyện vọng được ở với chị N, tuy nhiên chị N và anh P thống nhất giao con chung Nguyễn Trí D cho chị N, giao con chung Nguyễn Chí C1 cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi), hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Hội đồng xét xử căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh và nguyện vọng của các bên, thấy việc thỏa thuận mỗi người nuôi một con của chị N và anh P là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị, giao con chung Nguyễn Trí D cho chị N, giao con chung Nguyễn Chí C1 cho anh P chăm sóc, nuôi dưỡng, các đương sự không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao con Nguyễn Chí C1 cho chị N chăm sóc cho đến khi anh P về nước.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh P cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị Đồng Thị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị Đồng Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Đồng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Trí D, sinh ngày 14/10/2011; giao cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Chí C1, sinh ngày 23/7/2016 cho đến khi các con đủ 18 tuổi; chị N và anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau; tạm giao con Nguyễn Chí C1 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh P về nước.

Chị Đồng Thị N và anh Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đồng Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000383 ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Đặng Thái L nộp thay). Chị N đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đồng Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; anh Nguyễn Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Văn An, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu